

Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo tài chính hợp nhất
quý 3 niên độ 01/07/2015 đến 30/06/2016

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995
Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007
Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười bốn lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 24 tháng 03 năm 2015. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận ĐKDN Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được đã được đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22 tháng 10 năm 2015.
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
	Bà Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Đức Tồn	Giám Đốc Nhà Máy
	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám Đốc Tài Chính
Ông Trang Thanh Trúc	Giám Đối Đối Ngoại	

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Huỳnh Thành Nhân	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên

Kế Toán Trưởng	Ông Lê Phát Tín	Kế toán trưởng
-----------------------	-----------------	----------------

Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH Earnt & Young Việt Nam
--------------------------	--

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất- quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 01 – DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	30/06/2015
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110+120+1	100		4.292.906.543.344	1.891.254.681.331
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	05	302.114.840.652	138.062.494.402
1. Tiền	111		302.114.840.652	138.062.494.402
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		64.682.496.000	7.021.531.368
1. Đầu tư ngắn hạn	121		69.869.428.802	8.124.761.428
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.186.932.802)	(1.103.230.060)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu	130		2.219.739.508.877	960.899.927.685
1. Phải thu của khách hàng	131		799.900.331.686	268.961.211.094
2. Trả trước cho người bán	132	06	891.242.799.885	474.876.118.998
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		307.443.200.000	179.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	06	258.293.947.444	61.349.873.143
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(37.140.770.138)	(23.287.275.550)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	07	1.658.306.839.880	749.235.990.504
1. Hàng tồn kho	141		1.659.126.331.456	750.055.482.080
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(819.491.576)	(819.491.576)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.062.857.935	36.034.737.372
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		32.914.827.387	33.159.799.557
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	16	14.148.030.548	30.385.635
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	2.844.552.180
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		1.000.000.000	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240)	200		2.709.039.190.914	1.405.330.838.745
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.239.598.276	48.628.324.058
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu cho vay dài hạn	215		5.287.000.696	-
4. Phải thu dài hạn khác	216	06	20.952.597.580	48.628.324.058
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.682.799.592.638	1.356.702.514.687
1. Tài sản cố định hữu hình	221	08	1.337.196.732.669	476.155.185.794
- Nguyên giá	222		3.079.866.645.610	1.747.107.486.692
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(1.742.669.912.941)	(1.270.952.300.898)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	09	68.836.144.823	-
- Nguyên giá	225		73.767.448.385	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(4.931.303.562)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	190.256.153.020	57.255.863.933
- Nguyên giá	228		204.961.811.547	68.915.328.391
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(14.705.658.527)	(11.659.464.458)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất- quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(Tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

III. Bất động sản đầu tư	230			-	-
- Nguyên giá	231			-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	232			-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	183.948.469.310	170.548.334.250	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		183.948.469.310	170.548.334.250	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	681.149.950.568	612.260.559.873	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		315.247.773.895	517.891.777.476	
3. Đầu tư dài hạn khác	253		366.263.089.440	94.437.115.484	
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(360.912.767)	(68.333.087)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-	
V. Tài sản dài hạn khác	260	13	178.052.944.552	40.482.570.837	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		178.052.944.552	40.482.570.837	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-	
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-	
VI. Lợi thế thương mại	269		43.359.197.696	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		7.001.945.734.258	3.296.585.520.076	

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	30/06/2015
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		4.410.553.323.408	1.375.001.591.371
I. Nợ ngắn hạn	310		3.446.724.541.357	866.292.962.371
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		168.207.259.154	82.666.961.595
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	77.477.493.310	81.251.627.841
3. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	16	19.051.574.387	840.996.228
4. Phải trả công nhân viên	314		15.474.314.487	4.512.096.380
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	153.263.187.677	10.819.139.091
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		436.363.632	-
7. Các phải trả ngắn hạn khác	319	18	33.663.108.012	5.138.453.730
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	2.961.197.418.734	667.877.287.507
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	17.953.821.964	13.186.399.999
II. Nợ dài hạn	330		963.828.782.051	508.708.629.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
5. Phải trả dài hạn khác	337		276.650.073	96.300.000
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	963.552.131.978	508.612.329.000
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-

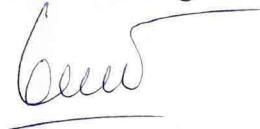
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất- quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 01 – DN/HN

B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410	400		2.591.392.410.850	1.921.583.928.705
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	2.524.539.078.189	1.920.948.011.115
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.856.423.580.000	1.485.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.856.423.580.000	1.485.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi			-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		155.174.403.823	14.732.000.010
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	(2.040.858.039)
4. Cổ phiếu quỹ	415		(40.306.862.293)	(61.577.199.043)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		592.401.319	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		243.709.260.201	227.425.653.785
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		308.946.295.139	257.408.414.402
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối k.	421a		93.523.086.601	133.711.121.212
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		215.423.208.538	123.697.293.190
II.. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		66.853.332.661	635.917.590
III. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400	430		7.001.945.734.258	3.296.585.520.076

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Người duyệt

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thanh Ngừ

Ngày 04 tháng 05 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 02a – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03		Giai đoạn từ 01/07 đến 31/03	
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.241.453.309.513	561.730.459.529	3.017.253.431.845	1.519.177.811.257
2. Các khoản giảm trừ	02	25	976.999.130	1.166.247.301	10.311.394.821	3.679.150.089
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 1 - 2)	10	25	1.240.476.310.383	560.564.212.228	3.006.942.037.024	1.515.498.661.168
4. Giá vốn hàng bán	11	26	1.092.684.325.770	487.275.160.315	2.571.578.908.273	1.344.607.377.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 3 - 4)	20		147.791.984.613	73.289.051.913	435.363.128.751	170.891.283.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	12.129.530.537	18.873.000.134	104.322.207.482	67.784.228.999
7. Chi phí tài chính	22	30	48.121.111.425	26.100.594.919	140.582.030.721	58.695.470.062
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43.487.253.362	19.348.953.591	91.151.449.566	63.553.127.882
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		9.646.258.916	11.618.178.354	17.612.655.227	35.792.161.720
9. Chi phí bán hàng	25	27	30.483.737.510	16.243.389.695	75.672.238.266	46.923.311.059
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	37.713.306.814	19.196.818.654	108.367.808.542	48.091.899.066
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		53.249.618.317	42.239.427.133	232.675.913.931	120.756.994.062
12. Thu nhập khác	31		605.496.202	8.903.810.878	5.926.784.707	14.981.907.787
13. Chi phí khác	32		85.640.573	7.585.485.928	2.436.729.446	9.019.437.441
14. Lợi nhuận khác (40=31 - 32)	40		519.855.629	1.318.324.950	3.490.055.261	5.962.470.346
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		53.769.473.946	43.557.752.083	236.165.969.192	126.719.464.408
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	7.583.549.584	3.902.507.653	20.440.173.871	14.141.261.469
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	1.349.345.611	-	1.313.244.778
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		46.185.924.362	38.305.898.819	215.725.795.321	111.264.958.161
19. Chủ sở hữu của công ty	18,2		46.214.584.936	38.018.363.929	215.423.208.538	110.920.475.731
20. Cổ đông thiểu số			(28.660.574)	287.534.890	302.586.783	344.482.430
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		33			1.269	773

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Ngừ

Ngày 04 tháng 05 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất- quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	53.769.473.946	43.557.752.083
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	46.957.657.587	21.798.196.104
Các khoản dự phòng	03	(2.982.518.626)	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	-	(1.030.274.436)
(Lãi) / Lỗ CLTG hối đoái chưa thực hiện	05	4.346.167.359	28.122.133
Lãi /Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	05	7.226.098.192	11.618.178.354
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho công ty liên quan	05	(12.287.491.935)	(7.202.402.795)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	05	(5.270.322.468)	(6.172.407.513)
Thu nhập cổ tức	05	-	
Chi phí lãi vay	06	43.336.950.927	19.348.953.591
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	135.096.014.982	81.946.117.521
Biến động các khoản phải thu	09	486.853.721.027	287.132.584.362
Biến động hàng tồn kho	10	(1.165.006.971.793)	(477.386.212.867)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(207.794.126.439)	75.640.280.212
Biến động chi phí trả trước	12	70.219.007.225	49.683.947.323
Tiền lãi vay đã trả	13	(40.653.089.186)	(19.125.056.022)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(210.841.299)	(160.588.156)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		51.605.655	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(6.480.954.973)	(7.687.950.655)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(727.925.634.801)	(9.956.878.282)

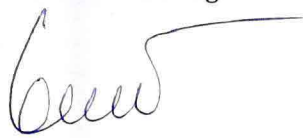
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất- quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XDCB	21	(55.851.790.719)	(40.292.275.385)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	7.770.000.000
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	23	-	-
Tiền chi mua chứng khoán nợ và chứng khoán vốn	24	-	-
Tiền thu do bán chứng khoán nợ và chứng khoán vốn	24	1.223.104.587	1.093.553.854
Tiền chi cho vay đơn vị liên doanh	24	(369.450.250.960)	-
Tiền thu cho vay đơn vị liên doanh	25	154.065.025.841	-
(Tăng) / Giảm tiền gửi tại Ngân hàng	27	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(117.669.851.998)	-
Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác		-	(29.451.895.022)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.520.855.321	7.710.202.795
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(353.162.907.928)	(53.170.413.758)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành vốn cổ phần	31	-	-
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	-	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.929.699.984.672	833.297.081.342
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.026.522.285.164)	(660.979.788.696)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(127.091.712.795)	-
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(4.897.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	776.085.986.713	172.312.395.396
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(305.002.556.016)	109.185.103.356
Tiền đầu năm	60	607.117.396.668	151.695.804.339
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	302.114.840.652	260.880.907.695

Kế Toán Trưởng

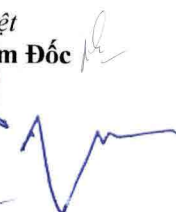


Lê Phát Tín



Người duyệt

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Ngự

Ngày 04 tháng 05 năm 2016

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty có 713 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 184 nhân viên (ngày 30 tháng 06 năm 2015: 488 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 0).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Năm tài khóa áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

- (i) Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.
- (ii) Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không mà không ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.
- (iii) Kể từ kỳ kế toán 01 tháng 07 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2016, Công ty sẽ lập báo cáo hợp nhất theo thông tư 202/2014/TT/BTC.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm

- | | |
|----------------------|------------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ khác | 4 – 15 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 09a – DN/HN

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016****Mẫu B 09a – DN/HN****(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Tiền mặt & tiền gửi Ngân hàng	302.114.840.652	138.062.494.402
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	302.114.840.652	138.062.494.402

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trả trước ngắn hạn bao gồm:

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	344.923.599.885	261.806.054.574
Trả trước ngắn hạn cho người bán	546.319.200.000	213.070.064.424
	891.242.799.885	474.876.118.998

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13% trong kỳ. Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	30.834.497.037	40.022.448.427
Lãi phải thu từ công ty khác	4.523.295.083	1.396.058.228
Tạm ứng nhân viên	13.151.087.217	12.157.955.500
Phải thu trao đổi đường	103.765.732.557	
Phải thu trao đổi mía	82.187.807.393	
Phải thu doanh thu chưa lập HĐ	9.237.711.330	
Lãi phải thu từ khoản thanh toán chậm	3.832.619.842	
Phải thu khác	10.761.196.985	7.773.410.988
	258.293.947.444	61.349.873.143

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 09a – DN/HN

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	8.236.172.580	35.904.299.058
Phải thu dài hạn dự án Svayrieng	12.707.425.000	12.707.425.000
Khác	9.000.000	16.600.000
	20.952.597.580	48.628.324.058

(*): Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này.

7. Hàng tồn kho

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Nguyên vật liệu	287.651.474.896	33.796.888.944
Công cụ và dụng cụ	2.216.232.587	771.473.815
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.775.773.158	25.479.310.297
Thành phẩm	1.210.047.735.448	658.135.893.261
Hàng hóa	105.435.115.367	30.434.144.508
Hàng gửi đi bán		1.437.771.255
	1.659.126.331.456	750.055.482.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(819.491.576)	(819.491.576)
	1.658.306.839.880	749.235.990.504

Trong kỳ không phát sinh dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

8. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu niên độ ngày 01/07/2015	284.075.223.111	1.373.736.050.033	24.824.775.446	6.066.107.572	58.405.330.530	1.747.107.486.692
Tăng do hợp nhất kinh doanh	184.202.730.591	1.016.833.674.565	15.369.418.979	2.657.529.595	9.562.241.266	1.228.625.594.996
Tăng trong niên độ	55.647.352.004	43.231.452.356	10.583.611.693	2.715.152.061	-	112.177.568.114
Thanh lý	-	(3.659.790.101)	(4.327.395.909)	(56.818.182)	-	(8.044.004.192)
Số dư cuối kỳ	523.925.305.706	2.430.141.386.853	46.450.410.209	11.381.971.046	67.967.571.796	3.079.866.645.610
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu niên độ ngày 01/07/2015	161.015.685.619	1.035.222.744.018	11.724.125.548	4.612.468.588	58.377.277.125	1.270.952.300.898
Tăng do hợp nhất kinh doanh	61.878.974.960	270.320.023.085	7.751.111.508	1.976.113.664	4.459.584.167	346.385.807.384
Khấu hao trong niên độ	15.749.996.402	108.893.560.897	3.265.727.470	708.466.016	228.980.677	128.846.731.461
Thanh lý	-	(1.089.079.722)	(2.369.028.898)	(56.818.182)	-	(3.514.926.802)
Số dư cuối kỳ	238.644.656.981	1.413.347.248.278	20.371.935.628	7.240.230.086	63.065.841.969	1.742.669.912.941
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	123.059.537.492	338.513.306.015	13.100.649.898	1.453.638.984	28.053.405	476.155.185.794
Số dư cuối kỳ	285.280.648.725	1.016.794.138.575	26.078.474.581	4.141.740.960	4.901.729.827	1.337.196.732.669

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính:

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	73.767.448.385
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2016	73.767.448.385
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.228.010.251
Khấu hao trong kỳ	3.703.293.311
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2016	4.931.303.562
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	72.539.438.134
Số dư cuối kỳ	68.836.144.823

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu niên độ	47.483.754.819	21.431.573.572	68.915.328.391
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	589.186.516	589.186.516
Tăng trong niên độ	134.983.796.640	473.500.000	135.457.296.640
Số dư cuối kỳ	182.467.551.459	22.494.260.088	204.961.811.547
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu niên độ	8.218.132.165	3.441.332.293	11.659.464.458
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	589.186.516	589.186.516
Khấu hao trong niên độ	1.540.089.141	916.918.412	2.457.007.553
Số dư cuối kỳ	9.758.221.306	4.947.437.221	14.705.658.527
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	39.265.622.654	17.990.241.279	57.255.863.933
Số dư cuối kỳ	172.709.330.153	17.546.822.867	190.256.153.020

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn 31/03/2016 VND	Giai đoạn 30/06/2015 VND
Số dư đầu năm	170.548.334.250	43.583.923.504
Tăng do hợp nhất kinh doanh	988.331.685	
Tăng trong kỳ	373.994.781.573	209.062.550.135
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(94.169.487.500)	(61.574.965.601)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(134.983.796.640)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(116.834.576.590)	(20.523.173.788)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(15.595.117.468)	
Số dư cuối kỳ	183.948.469.310	170.548.334.250

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

12. Các khoản đầu tư

	31/03/2016		30/06/2015	
	VND	% vốn sở hữu	VND	% vốn sở hữu
(a) Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:				
• Cty CP Khu công nghiệp Thành Thành Công (i)	187.816.304.945	49,45%	205.795.566.787	49,45%
• Cty CP Đường Biên Hòa (ii)	-	-	217.948.152.104	23,71%
• Cty CP Đường Nước Trong (iii)	-	-	48.572.622.899	23,95%
• Cty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (iv)	32.444.047.014	21,96%	30.519.267.021	26,32%
• Cty CP NC & UD mía đường TTC (v)	-	-	15.056.168.665	48,00%
• Cty CP Mía đường Tây Ninh (vi)	94.987.421.936	39,23%	0	0,00%
	315.247.773.895		517.891.777.476	
Đầu tư dài hạn khác:				
• Đầu tư chứng khoán vào công ty khác	365.493.027.056		93.667.053.100	
• Đầu tư nhà làng Bourbon	770.062.384		770.062.384	
	366.263.089.440		94.437.115.484	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(360.912.767)		(68.333.087)	
	681.149.950.568		612.260.559.873	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
• Đầu tư cổ phiếu khác	69.869.428.802	8.124.761.428
• Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(5.186.932.802)	(1.103.230.060)
Số dư cuối kỳ	64.682.496.000	7.021.531.368

- (i) Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công (Trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa) (“TTCIZ”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp. Trong kỳ Đường Biên Hòa đã sáp nhập thành công với Công ty CP Đường Ninh Hòa, và tỉ lệ sở hữu của công ty còn lại là 17% không còn là công ty liên kết.
- (iii) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”) được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- (iv) Công ty cổ phần công nghiệp hoá chất Tây Ninh (“Tanichem”). Giấy chứng nhận đầu tư số 45121000238 của Tanichem được cấp ngày 18 tháng 08 năm 2010, trụ sở chính tại Cụm Công Nghiệp Tân hội, ấp Hội An, xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Sản phẩm chính của công ty là các sản phẩm tinh bột, nước uống không cồn, nước khoáng, phân bón, hợp chất nitơ, thoát nước, xử lý nước, nông lâm sản, nguyên liệu, ...
- (v) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (“Mía Đường Thành Thành Công” được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	40.482.570.837	25.398.671.617
Tăng do hợp nhất kinh doanh	22.521.823.545	
Tăng trong kỳ	2.262.288.000	20.763.861.736
Chuyển từ CP XDCB qua	116.834.576.590	130.640.000
Phân bổ trong kỳ	(4.048.314.420)	(5.810.602.516)
Số dư cuối kỳ	178.052.944.552	40.482.570.837

14. Vay ngắn hạn

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.863.298.876.273	555.558.945.507
Vay dài hạn đến hạn trả	97.898.542.461	112.318.342.000
Số dư cuối kỳ	2.961.197.418.734	667.877.287.507

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn tại TTCS:	Tiền tệ	31/03/2016	30/06/2015	Thuyết minh
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	332.806.453.000		(i) Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu USD (30/06/2015: 0 triệu USD). - Khoản vay này được đảm bảo bằng 32 ha quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất đường với giá trị thế chấp lần lượt là 12.400.000 USD và 46.731.000 USD.
• Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (ii)	VND	99.917.675.000		(ii) Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị 100 tỷ VND.
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	393.376.318.568	12.475.466.047	(iii) Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam): Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20 triệu USD (30/06/2015: 15 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị lần lượt là 9.375.000 USD và 9.375.000 USD.
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Tây Ninh (iv)	VND	159.774.939.311	152.224.575.460	(iv) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – chi nhánh Tây Ninh: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 160 tỷ VND (30/06/2015: 160 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 150 tỷ VND và 50 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN**

• Ngân hàng TMCP Công thương Tây Ninh (v)	VND	166.079.426.573		- (v) Ngân hàng TMCP Công Thương Tây Ninh: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng 93.688m2 quyền sử dụng đất Tân Kim Long An với giá trị định giá là 170 tỷ VND
• Ngân hàng TNHH TM Chinatrust (Việt Nam) (vi)	VND	43.600.000.000	78.000.000.000	(vi) Ngân hàng TNHH TM Chinatrust Việt Nam: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2 triệu USD (30/06/2015: 3,6 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và/hoặc các khoản phải thu với giá trị là 2 triệu USD.
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (vii)	VND	60.000.000.000	60.000.000.000	(vii) Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND (30/06/2015: 60 tỷ VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
• Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Đông Sài Gòn (viii)	VND	142.804.795.000	99.978.904.000	(viii) Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Đông Sài Gòn: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND (30/06/2015: 100 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị là 143,75 tỷ VND và 2 triệu USD.
• Ngân hàng Natixis – CN Hồ Chí Minh (ix)	VND	85.520.000.000		- (ix) Ngân hàng Natixis – chi nhánh Hồ Chí Minh: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4,1 triệu USD (30/06/2015: 5 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và/hoặc các khoản phải thu với giá trị là 4,5 triệu USD.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

• Ngân hàng ACB Tân Thuận (x)	VND	245.431.389.848	-	(x) Ngân hàng ACB Tân Thuận: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250 tỷ VND (30/06/2015: 50 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Tây Ninh (35,678 tỷ), tài sản hình thành trong tương lai từ dự án (127,542 tỷ), 100% khoản phải thu từ dự án và 12.630.296 cổ phiếu BHS (158,599 tỷ).
• Ngân hàng HSBC Hongkong (xi)	VND	-	152.880.000.000	(xi) Ngân hàng HSBC Hong Kong: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7 triệu USD (30/06/2015: 7 triệu USD), đã được tắt nợ.
• Ngân hàng Malayan Banking Berhad (xii)	VND	109.912.500.000	-	(xii) Ngân hàng Malayan Banking Berhad: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5 triệu USD (30/06/2015: 0 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 2,5 triệu USD và 2,5 triệu USD
• Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Gia Định (xiii)	VND	88.735.013.274	-	(xiii) Ngân hàng Đầu tư & phát triển Việt Nam – CN Gia Định: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo một phần, trong đó 100 tỷ không được đảm bảo.
		1.927.958.510.574	555.558.945.507	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN****Vay ngắn hạn tại TTCS Gia**

Lai:	Tiền tệ	31/03/2016	Thuyết minh
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)	VND	155.000.000.000	(a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.000.000 Đô la Mỹ (30/06/2015: 4.790.000 Đô la Mỹ) và được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty.
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (b)	VND	56.000.000.000	(b) Khoản vay này có hạn mức tối đa 2.500.000 Đô la Mỹ và được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (c)	VND	172.000.000.000	(c) Khoản vay này có hạn mức tối đa 200 tỷ và được đảm bảo bằng hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Công Thương (d)	VND	368.412.022.049	(d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400 tỷ VND và không được đảm bảo
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh HCM (e)	VND	51.000.000.000	(e) & (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.000.000 Đô la Mỹ và được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Công ty
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh Hà Nội (f)	VND	48.000.000.000	
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam (g)	VND	64.228.343.650	(g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 80 tỷ VND và không được đảm bảo
		914.640.365.699	

Vay ngắn hạn tại Nước Trong:

	Tiền tệ	31/03/2016	Thuyết minh
Ngân hàng BIDV chi nhánh Tây Ninh	VND	20.700.000.000	Vay ngân hàng BIDV chi nhánh Tây Ninh -HĐ tín dụng hạn mức số 01/2016/4463649/HDTD ngày 13/02/2016, hạn mức 40.000.000.000 đồng
		20.700.000.000	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

15. Người mua trả tiền trước

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	66.731.910.000	66.731.910.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	-	8.697.734.000
Người mua trả tiền trước	10.745.583.310	5.821.983.841
	77.477.493.310	81.251.627.841

- (*) Đây là khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	(13.207.093.866)	(773.549.330)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.127.307.814	(1.278.803.251)
Thuế thu nhập cá nhân	(419.301.053)	18.410.994
Thuế tài nguyên	3.845.099	-
Thuế khác	398.785.845	-
	4.903.543.839	(2.033.941.587)

17. Chi phí phải trả

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Phí vận chuyển và bốc dỡ	9.686.646.696	5.260.591.500
Chi phí lãi vay	14.821.824.524	2.537.822.410
Phép năm không sử dụng	470.702.350	435.336.620

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN**

Trích trước chi phí chiết khấu	709.066.949	399.307.447
Trích trước chi phí mua mía nguyên liệu	76.379.601.916	
Trích trước chi phí khấu hao	32.792.193.068	
Chi phí khác	18.403.152.174	2.186.081.114
	153.263.187.677	10.819.139.091

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía phải trả	5.102.107.537	2.570.106.649
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.423.293.879	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	1.164.593.590	441.188.085
Kinh phí công đoàn	336.224.352	-
Bảo hiểm xã hội	1.540.856.712	-
Bảo hiểm y tế	284.341.372	-
Bảo hiểm thất nghiệp	120.844.195	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.581.619.956	-
Khác	21.109.226.419	927.158.996
	33.663.108.012	5.138.453.730

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.186.399.999	22.350.117.493
Phát sinh do hợp nhất kinh doanh	1.746.286.738	-
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	23.045.097.412	3.688.248.683
Sử dụng quỹ	(20.023.962.185)	(12.851.966.177)

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Số dư cuối kỳ	17.953.821.964	13.186.399.999
----------------------	-----------------------	-----------------------

20. Vay dài hạn

	31/03/2016	30/06/2015
	VND	VND
Vay dài hạn	1.061.450.674.439	620.930.671.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(97.898.542.461)	(112.318.342.000)
	963.552.131.978	508.612.329.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Vay dài hạn tại TCS

	Tiền tệ	31/03/2016	30/06/2015	Thuyết Minh
--	----------------	-------------------	-------------------	--------------------

Vay dài hạn không được đảm bảo:

Công ty CP Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	10.738.537.000	11.931.708.000	
-----------------------------------	-----	----------------	----------------	--

(i) Công ty CP Mía đường Tây Ninh: Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36 tỷ VND (30/06/2015: 36 tỷ VND). Số dư 10.738.537.000 VND của khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1,193 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.

Vay dài hạn được đảm bảo:

Ngân hàng ACB-Tân Thuận (ii)	VND	80.602.963.000	61.014.963.000	
------------------------------	-----	----------------	----------------	--

(ii) Ngân hàng ACB – Tân Thuận: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2015: 100 tỷ VND). Số dư 80.602.963.000 VND của khoản vay này được ân hạn 1 năm và được hoàn trả trong 24 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.358.457.125 VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào ngày 15 tháng 05 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Tây Ninh (35,678 tỷ), tài sản hình thành trong tương lai từ dự án (106,926 tỷ), 100% khoản phải thu từ dự án và 12.630.296 cổ phiếu BHS (127,542 tỷ).

Ngân hàng công thương Tây Ninh (iii)	VND	305.000.000	434.000.000	
--------------------------------------	-----	-------------	-------------	--

(iii) Ngân hàng Công thương Tây Ninh: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 520 triệu VND (30/06/2015: 520 triệu VND). Số dư 305 triệu VND của khoản vay này được hoàn trả trong 8 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 43 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 14 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m2 quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thể chấp lần lượt là 654 triệu và 2,874 tỷ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ngân hàng công thương Tây Ninh (iv)	VND	2.377.000.000	1.550.000.000	(iv)Ngân hàng Công thương Tây Ninh: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,185 tỷ VND (30/06/2015: 1,69 tỷ VND). Số dư 2,377 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 09 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 264 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 02 tháng 02 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m2 quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2,874 tỷ.
Ngân hàng công thương Tây Ninh (v)	VND	4.670.000.000	-	(v)Ngân hàng Công thương Tây Ninh: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4,67 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Số dư 4,67 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 12 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 389 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 30 tháng 03 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng 5 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp là 6,873 tỷ.
Ngân hàng HSBC HONG KONG (vi)	USD	460.066.950.000	546.000.000.000	(vi) Ngân hàng HSBC Hong Kong: Khoản vay này có hạn mức tối đa là 25 triệu USD (30/06/2015: 25 triệu USD). Số dư 19,95 triệu USD của khoản vay này được hoàn trả toàn bộ trong năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng 32 ha quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và dây chuyển máy móc thiết bị sản xuất đường với giá trị thế chấp lần lượt là 12.400.000 USD và 46.731.000USD
		558.760.450.000	620.930.671.000	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN****Vay dài hạn tại TTCS Gia Lai**

	Tiền tệ	31/03/2016	Thuyết Minh
Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (a)	VND	422.791.524.336	(a) Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Công ty; máy móc, thiết bị và tài sản cố định trong dự án nâng cấp công suất nhà máy từ 3.200 lên 6.000 TMN; quyền bán điện trong Hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Bao gồm các khoản vay sau:
Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (b)	VND	6.560.000.000	(b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VND và được đảm bảo bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 được hoàn trả trong 18 quý bằng nhau, mỗi quý trả 430 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào ngày 25 tháng 12 năm 2019.
Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	9.860.285.623	(c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.231 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị của Công ty với giá trị còn lại là 8.885 triệu VND. Khoản vay này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa Ngân hàng và Công ty
Thuê tài chính	VND	54.976.974.480	(d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.774 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị của Công ty với giá trị còn lại là 7.443 triệu VND. Khoản vay này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa Ngân hàng và Công ty
		494.188.784.439	

Vay dài hạn tại Nước Trong

	Tiền tệ	31/03/2016	Thuyết Minh
Vay đối tượng khác	VND	8.501.440.000	Là khoản vay từ nguồn vốn hỗ trợ AFD nhận từ Công ty TNHH MTV MĐTN nay là Công ty CP Mía đường Tây Ninh. HĐ vay số 01/HĐTD ký ngày 15/11/2005; lãi suất vay : 4,62%/năm; thời hạn trả đến: 10/10/2019.
		8.501.440.000	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Các quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	220.510.187.504	-	(4.960.381.269)	80.341.517.451	1.734.046.124.653
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	188.337.154.266	188.337.154.266
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.915.466.281	-	2.919.523.230	(10.603.714.964)	(768.725.453)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(666.542.350)	(666.542.350)
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2015	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	227.425.653.785	-	(2.040.858.039)	257.408.414.403	1.920.948.011.116
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	3.015.679.213	21.270.336.750	-	-	-	-	24.286.015.963
Phát hành cổ phiếu hoán đổi cổ phiếu SEC	371.423.580.000	137.426.724.600	-	-	-	-	-	508.850.304.600
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	215.423.208.538	215.423.208.538
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	16.283.606.416	-	-	(36.223.865.202)	(19.940.258.786)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(127.661.462.600)	(127.661.462.600)
Tặng khác	-	-	-	-	592.401.317	2.040.858.039	-	2.633.259.356
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2016	1.856.423.580.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	243.709.260.201	592.401.317	-	308.946.295.139	2.524.539.078.187

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN/HN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2016		30/06/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	148.500.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(3.268.840)	(32.688.400.000)	-	-
Cổ phiếu hoán đổi - SEC				
Cổ phiếu phổ thông	37.142.358	371.423.580.000	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	182.373.518	1.823.735.180.000	148.500.000	1.485.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	31/03/2016		30/06/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000
Cổ phiếu lưu hành bình quân tăng /giảm trong kỳ	26.207.360	262.073.595.345	-	-
Số dư cuối kỳ	169.713.520	1.697.135.195.345	143.506.160	1.435.061.600.000

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 01/07/2015 đến 31/03/2016 VND	Giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/06/2015 VND
Số dư đầu năm	61.577.199.043	61.577.199.043
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	(21.270.336.750)	-
Số dư cuối kỳ	40.306.862.293	61.577.199.043

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

23. Cổ tức

Trong kỳ từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/03/2016 Công ty đã chia cổ tức 7% mệnh giá bằng tiền mặt.

24. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Theo thông tư 200, Quỹ dự phòng Tài Chính và Quỹ đầu tư phát triển sẽ được gọi chung là Quỹ đầu tư Phát Triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu		
Bán đường	1.069.095.193.884	462.747.203.547
Bán mật đường	93.530.257.887	58.504.135.224
Bán điện	53.978.334.660	21.866.391.070
Bán phân bón	18.921.307.503	14.864.500.688
Khác	5.928.215.578	3.748.229.000
	1.241.453.309.513	561.730.459.529
Giảm giá hàng bán	(976.999.130.000)	(1.166.247.301)
Doanh thu thuần	1.240.476.310.383	560.564.212.228

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn đường	920.282.713.490	395.212.675.657
Giá vốn mật đường	88.754.370.236	57.944.844.000
Giá vốn điện	57.948.507.067	17.965.750.676
Giá vốn phân bón	18.693.160.121	13.993.512.435
Khác	7.005.574.856	2.158.377.547
	1.092.684.325.770	487.275.160.315

27. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.484.013.894	1.675.250.569
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	346.671.494	28.253.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	950.750.956	4.341.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.579.471.821	13.079.799.864
Chi phí bằng tiền khác	5.122.829.345	1.455.744.197
	30.483.737.510	16.243.389.695

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý chung	14.946.213.009	8.876.431.377
Chi phí vật liệu quản lý	32.606.647	86.156.571
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	687.467.187	303.066.677
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.489.878.709	931.432.873
Thuế, phí và lệ phí	25.707.801	101.531.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.317.329.816	1.908.871.760
Chi phí bằng tiền khác	13.214.103.646	6.989.327.577
	37.713.306.815	19.196.818.654

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức	6.880.292.000	46.877.867
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	1.356.702.705	639.140.580
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.251.211.607	1.221.770.644
Lãi hoạt động đầu tư	36.442.184	10.401.948.828
Doanh thu tài chính khác	2.604.882.041	6.563.262.215
	12.129.530.537	18.873.000.134

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	43.487.253.362	19.348.953.591
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng	(2.982.518.626)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.216.886.400	229.053.328
Hoạt động đầu tư chứng khoán	121.896.956	75.000.000
Khác	1.277.593.333	6.447.588.000
	48.121.111.425	26.100.594.919

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	7.583.549.584	3.902.507.653
	7.583.549.584	3.902.507.653
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	1.349.345.611
Chi phí thuế thu nhập	7.583.549.584	5.251.853.264

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 3 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Tên công ty	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán thành phẩm	40.728.166.667	54.184.429.524
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	443.974.062	3.302.716.319
Nhận Cung cấp dịch vụ	1.649.993.917	478.039.016
Mua hàng hóa	386.937.769	-
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	814.980.952	476.035.238
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	5.320.116.016	861.901.729
Cung cấp dịch vụ	65.454.545	65.454.545
Mua đường thô	-	120.160.754.286
Nhận cung cấp dịch vụ	-	859.712.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên		
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	405.021.782	1.305.735.675
Mua hàng hóa	50.529.455.063	8.532.304.054
Công ty CP KCN Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	-	1.131.429
Công ty CP Đường Biên Hòa		
Bán hàng hóa	97.196.180.048	245.429.000
Mua hàng hóa	213.376.071.238	510.990.303
Nhận dịch vụ	-	884.382.000
Mua hàng hóa	87.000.000	84.000.000
Cung cấp dịch vụ	381.818.182	381.818.182
Mua cổ phiếu	117.669.852.000	-
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	266.082.729	-

33. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông là chủ sở hữu công ty là 215.423

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

triệu VND (giai đoạn từ 01 tháng 07 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015: 110.920 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 169.713.520 (ngày 31 tháng 03 năm 2015: 143.506.160), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn 01/07/15 đến 31/03/16	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	215.423.208.538	110.920.475.731

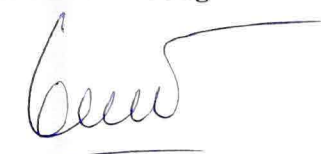
(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn 01/07/15 đến 31/03/16	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	143.506.160	143.506.160
Cổ phiếu bình quân tăng/giảm	26.207.360	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	169.713.520	143.506.160

34. Giải trình biến động Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận trước thuế quý 03 niên độ 2015-2016 tăng 23% so với cùng kỳ niên độ trước. Nguyên nhân chủ yếu là do việc hợp nhất với Gia Lai từ ngày 01/10/2016 giúp công ty tăng doanh số vượt 121% tương ứng lợi nhuận gộp tăng hơn 102%.

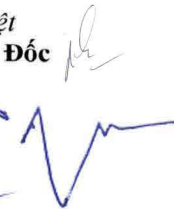
Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



**Người duyệt
Tổng Giám Đốc**



Nguyễn Thanh Ngũ

Ngày 04 tháng 05 năm 2016